

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 10 (huyện Quảng Hòa)

Môn: Phần B.II - Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam

Ngày thi: 27/8/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Lục Thị Vân Anh	7,00	Bảy	41	Hoàng Văn Khỏe	7,00	Bảy
2	Đàm Thị Bằng	7,00	Bảy	42	Bế Thị Kiều	7,25	Bảy phẩy hai năm
3	Nông Thị Bé	7,50	Bảy phẩy năm	43	Nguyễn Thị Hoài Lam	8,00	Tám
4	Nguyễn Thị Biền	6,50	Sáu phẩy năm	44	Lục Thị Thúy Lâm	8,00	Tám
5	Nguyễn Đình Chinh	6,00	Sáu	45	Nông Minh Lệ	8,00	Tám
6	Bế Đặng Chính	8,00	Tám	46	Nông Thị Linh	8,00	Tám
7	Phan Mạnh Cường	6,00	Sáu	47	Hứa Thị Loan	8,00	Tám
8	Hà Thị Diệp	8,00	Tám	48	Lý Thị Minh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
9	Nông Văn Đạt	7,50	Bảy phẩy năm	49	Hoàng Thị Minh	8,00	Tám
10	Bế Thị Diệp	7,50	Bảy phẩy năm	50	Triệu Quang Mốt	6,75	Sáu phẩy bảy năm
11	Tô Văn Dự	7,50	Bảy phẩy năm	51	Vương Thị Na	7,00	Bảy
12	Hoàng Văn Dẫn	6,50	Sáu phẩy năm	52	Nông Văn Nam	7,00	Bảy
13	Đàm Thị Dung	8,00	Tám	53	Hoàng Thị Nga	7,00	Bảy
14	Lương Văn Dưỡng	6,00	Sáu	54	Đàm Thị Thanh Nga	8,00	Tám
15	Phan Thị Duyên	7,00	Bảy	55	Đình Văn Nghĩa	6,00	Sáu
16	Lý Thị Duyên	7,00	Bảy	56	Nguyễn Thị Ngọc	7,25	Bảy phẩy hai năm
17	Nông Văn Giang	8,00	Tám	57	Đình Thị Nguyệt	8,25	Tám phẩy hai năm
18	Triệu Thị Hạ	7,50	Bảy phẩy năm	58	Lục Thị Nhung	8,00	Tám
19	Ngô Thị Lệ Hằng	8,00	Tám	59	Đàm Thị Niêm	7,75	Bảy phẩy bảy năm
20	Lý Thị Hằng	8,00	Tám	60	Lục Thị Kim Oanh	8,00	Tám
21	Lã Thị Hạnh	7,50	Bảy phẩy năm	61	Nguyễn Lệ Quyên	8,00	Tám
22	Đình Thị Hậu	7,75	Bảy phẩy bảy năm	62	Hoàng Thị Tắm	7,75	Bảy phẩy bảy năm
23	Ma Văn Hiến	7,50	Bảy phẩy năm	63	Đàm Hồng Tân	7,50	Bảy phẩy năm

ĐHL

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
24	Nguyễn Thị Hiệp	7,50	Bảy phẩy năm	64	Đàm Văn Thắng	7,50	Bảy phẩy năm
25	Lưu Diệu Hoa	7,50	Bảy phẩy năm	65	Đinh Phương Thảo	7,00	Bảy
26	Lương Thị Hoa	8,00	Tám	66	Mông Thị Thảo	8,00	Tám
27	Lục Thị Hoài	7,50	Bảy phẩy năm	67	Nông Bích Thu	7,00	Bảy
28	Nguyễn Thị Hoan	7,25	Bảy phẩy hai năm	68	Triệu Minh Thủy	7,00	Bảy
29	Hà Ngọc Hoàng	7,00	Bảy	69	Đàm Thị Thuyền	7,50	Bảy phẩy năm
30	Hà Thị Hồng	8,00	Tám	70	Bé Thị Tiềm	7,50	Bảy phẩy năm
31	Phạm Thị Huân	7,00	Bảy	71	Nông Thị Tiến	7,50	Bảy phẩy năm
32	Nông Thị Huệ	7,00	Bảy	72	Đỗ Văn Tĩnh	7,00	Bảy
33	Mông Thị Huệ	7,25	Bảy phẩy hai năm	73	Hoàng Thu Trang	8,00	Tám
34	Triệu Thị Thu Huệ	7,50	Bảy phẩy năm	74	La Thị Huyền Trang	7,75	Bảy phẩy bảy năm
35	Bé Thị Huệ	7,50	Bảy phẩy năm	75	Đỗ Thu Trang	8,00	Tám
36	Đinh Thị Huệ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	76	Bé Văn Tư	7,00	Bảy
37	Ma Thúy Hương	8,00	Tám	77	Đàm Thúy Tuyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm
38	Hoàng Quang Huy	8,00	Tám	78	Mã Thị Út	8,00	Tám
39	Hoàng Thị Huyền	7,25	Bảy phẩy hai năm	79	Ma Ngọc Vĩnh	7,50	Bảy phẩy năm
40	Lục Thị Huyền	8,00	Tám	80	Đàm Thị Vui	8,00	Tám

Điểm 6,00: 04 điểm; Điểm 6,50: 02 điểm; Điểm 6,75: 01 điểm; Điểm 7,00: 16 điểm; Điểm 7,25: 05 điểm; Điểm 7,50: 18 điểm; Điểm 7,75: 07 điểm; Điểm 8,00: 26 điểm; Điểm 8,25: 01 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**







Đoàn Thị Kim Liên

Đoàn Thị Vân Thúy

Hoàng Việt Hưng